

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GẮN LIỀN VỚI PHÁT TRIỂN VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

TRẦN VĂN THẬN

Tiến sĩ, Phòng Quản lý khoa học, Trường Đại học Cửu Long

Ngày nhận bài: 13/4/2019 - Ngày gửi phản biện: 15/4/2019

Tóm tắt:

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của cả nước, là vùng duy nhất hiện nay hội tụ đủ các điều kiện và lợi thế để phát triển công nghiệp, dịch vụ, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đặc biệt phát triển công nghệ cao, công nghiệp điện tử tin học, công nghiệp dầu khí và sản phẩm hóa dầu; phát triển dịch vụ cao cấp, dịch vụ du lịch, dịch vụ viễn thông, tài chính, ngân hàng; nghiên cứu, ứng dụng và triển khai khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao.

Từ khóa: Các giải pháp bảo vệ môi trường gắn liền với phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Abstract

The Southern key economic region plays a particularly important role and position in the socio-economic development of the whole country. This is the only region currently gaining all conditions and advantages for industrial development, services, leading in the cause of industrialization and modernization; especially developing high technology, electronics - informatics industry, petroleum industry, and petrochemical products; developing high-quality services, tourism services, telecommunications services, finance and banking; research, application and development of science and technology, training of highly qualified human resources.

Keywords: Environmental protection solutions associated with the development of the Southern key economic region.

1. Đặc điểm vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bao gồm 8 tỉnh, thành phố: thành phố Hồ Chí

Minh, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Long An, Tiền Giang. Diện tích tự nhiên toàn vùng trên 30 ngàn km², chiếm 9,2% diện tích cả nước. Dân số toàn vùng chiếm 17,7% dân số cả nước. Tỷ

lệ đô thị hóa của vùng đạt 48%, bằng 1,8 lần trung bình cả nước. Đặc biệt, sản xuất đóng góp hơn 42% GDP của cả nước và chiếm 40% kim ngạch xuất khẩu của cả nước, đóng góp gần 60% ngân sách quốc gia. Đáng chú ý, GDP tính theo đầu người của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cao gấp 2,5 lần mức bình quân cả nước¹. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là một vùng công nghiệp trọng yếu lớn nhất của cả nước, đã hình thành và liên kết mạng lưới các khu công nghiệp tập trung và phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn và cơ bản như: khai thác và chế biến dầu khí, luyện cán thép, năng lượng điện, công nghệ tin học, hóa chất cơ bản, phân bón và vật liệu... làm nền tảng công nghiệp hóa của Vùng và của cả nước. Đặc biệt phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng Sông Cửu Long, vùng hạ nuôi trồng thủy sản truyền thống và nhiều vùng chuyên canh khác, tận dụng những mặt thuận lợi để bức phá đi lên trở thành trọng điểm của cả nước về nông nghiệp công nghệ cao.

2. Thực trạng bảo vệ môi trường của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Cùng với sự gia tăng dân số mạnh mẽ và sự hình thành, phát triển nhanh chóng của các ngành nghề sản xuất trong thời gian qua, một mặt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Vùng, mặt khác đã làm gia tăng nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, nguyên vật liệu, năng lượng, từ đó làm phát sinh các vấn đề ô nhiễm môi trường ngày càng phức tạp đã và đang gây khó khăn cho công tác quản lý và xử lý, trong đó nổi bật 2 nhóm vấn đề lớn đối với Vùng: một

là, quá trình ô nhiễm sông đang hình thành và có chiều hướng tăng do hoạt động thải rác, nước thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất công nghiệp và nước thải sinh hoạt dân cư; hai là, việc gia tăng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sống của đô thị và chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất công nghiệp.

2.1 Tình hình ô nhiễm nước sông Đồng Nai đang có chiều hướng gia tăng

Lưu vực sông Đồng Nai, hệ thống sông lớn thứ 3 của nước ta, bao gồm các sông chính như lưu sông Đa Dung - Đa Nhim - Đồng Nai, La Ngà, Sông Bé, Sài Gòn, Vàm Cỏ và hạ lưu sông Đồng Nai là nguồn cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất chủ yếu cho thành phố Hồ Chí Minh và 11 tỉnh gồm Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Ninh Thuận, Bình Thuận, Tây Ninh, Long An. Hàng ngày, hàng triệu người dân ở Đồng Nai, thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu đang sử dụng nước sông Đồng Nai cho sinh hoạt. Thế nhưng, các số liệu quan trắc gần đây cho thấy nồng độ DO trong nước sông Đồng Nai giảm dần từ thượng lưu đến hạ lưu, hàm lượng N - NH₃ và COD tăng từ thượng lưu đến hạ lưu, giá trị quan trắc trung bình của N - NH₃ đã giảm so với những năm trước đây nhưng vẫn còn vượt quy chuẩn QCVN 08:2008/BTNMT cột A từ 1,3 - 2,6 lần. Điều này cho thấy nước sông Đồng Nai có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng, hữu cơ và mức độ ô nhiễm tăng dần từ thượng lưu đến hạ lưu. Nguyên nhân gây ra sự ô nhiễm này chủ yếu là do sự phát triển công nghiệp và gia tăng dân số cơ học nhanh, nước thải và chất thải công nghiệp, đô thị chưa thu gom, xử lý triệt để hoặc đã thu gom, xử lý chưa đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép thải ra

¹ Nguồn: Tổng quan về các vùng kinh tế trọng điểm, cổng thông tin điện tử Chính phủ, năm 2015.

môi trường². Theo đánh giá của các chuyên gia về môi trường, hiện trạng ô nhiễm xảy ra chủ yếu là do các khu công nghiệp đang hoạt động tại các tỉnh, thành trong Vùng chưa xử lý nước thải trước khi thải ra sông hoặc có xử lý nhưng chất lượng nước sau xử lý không đạt yêu cầu. Hằng ngày, sông Đồng Nai tiếp nhận khoảng 1,73 triệu m³ nước thải sinh hoạt từ các khu vực dân cư và 1,54 triệu m³ nước thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp³. Vì vậy, có thể nói, cuộc sống của hơn 20 triệu người ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đang bị đe dọa nghiêm trọng. Nếu không có hướng ngăn chặn kịp thời thì chắc chắn thu nhận từ hoạt động kinh tế sẽ không thể nào bù đắp được số chi phí phải trả cho việc cải thiện môi trường, phục hồi chất lượng nước sông Đồng Nai.

2.2 Thực trạng phát sinh chất thải rắn trong Vùng

Việc đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, đô thị hóa, cùng với việc gia tăng dân số cơ học dẫn đến việc gia tăng nhanh chóng lượng chất thải rắn phát sinh trong Vùng. Chất thải rắn tăng nhanh chóng về số lượng, với thành phần ngày càng phức tạp đã và đang gây khó khăn cho công tác quản lý, xử lý. Bên cạnh đó, công tác quản lý, xử lý chất thải rắn trong Vùng thời gian qua chưa được áp dụng theo phương thức quản lý tổng hợp, chưa chú trọng đến các giải pháp giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải dẫn khối lượng chất thải rắn phải chôn lấp cao, không tiết kiệm quỹ đất, tại nhiều khu vực chất thải

chôn lấp ở các bãi chôn lấp tạm, lộ thiên, hiện đã và đang là nguồn gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, công tác triển khai các quy hoạch quản lý chất thải rắn tại các địa phương còn chậm; việc huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng khu xử lý, nhà máy xử lý chất thải rắn còn gặp nhiều khó khăn; đầu tư cho quản lý, xử lý chất thải rắn còn chưa tương xứng; nhiều công trình xử lý chất thải rắn đã được xây dựng và vận hành, nhưng cơ sở vật chất, năng lực và hiệu suất xử lý chất thải rắn chưa đạt yêu cầu. Chính vì vậy, hiệu quả đạt được trong công tác quản lý, xử lý chất thải có những hạn chế nhất định đồng thời việc xử lý chất thải rắn không đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đã gây những tác động tổng hợp tới môi trường, sức khỏe cộng đồng và phát triển kinh tế - xã hội. Áp lực giữa yêu cầu bảo vệ môi trường với tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững đất nước đặt ra cho các cơ quan quản lý cần đánh giá thực tế tình hình quản lý chất thải rắn (nguy hại, sinh hoạt và công nghiệp thông thường) trong Vùng và đề xuất các giải pháp tăng cường hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn nhằm đáp ứng yêu cầu trong công tác bảo vệ môi trường theo tinh thần Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 về quản lý chất thải và phế liệu.

3. Giải pháp bảo vệ môi trường gắn liền với phát triển bền vững Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Bảo vệ môi trường là nhiệm vụ của toàn xã hội. Do đó, cần phát động phong trào toàn dân bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, phải có sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước thì công tác bảo vệ môi trường mới được thực thi hiệu quả, gắn phong trào bảo vệ môi trường tới phong

² Nguồn: Điều tra, khảo sát của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai, năm 2015.

³ Nguồn: Các vấn đề môi trường vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm TP.HCM, năm 2015.

trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

Vì vậy, để huy động toàn dân và các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp, công ty tham gia bảo vệ môi trường cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường

Ngành tài nguyên và môi trường các tỉnh trong Vùng nên chủ động hơn trong việc phối hợp với các ngành, đoàn thể của các tỉnh để đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện các chương trình liên tịch, công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về môi trường, đồng thời phối hợp với các cơ quan báo, đài trong vùng tuyên truyền, phổ biến những thông tin về môi trường, thông báo công khai những địa chỉ gây ô nhiễm và kết quả xử phạt đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm nhằm lên án, cảnh báo và ngăn chặn những hành vi gây ô nhiễm môi trường.

Thứ hai, tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Tiếp tục kiện toàn, nâng cao năng lực tổ chức, bộ máy làm công tác bảo vệ môi trường từ vùng đến các tỉnh và đến cơ sở. Các tỉnh trong vùng phải tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Công tác bảo vệ môi trường là nhiệm vụ mang tính đa ngành và liên Vùng rất cao. Do đó, cần xác định rõ trách nhiệm và phân công, phân cấp hợp lý, cụ thể giữa các ngành, các cấp nhằm tạo sự phối hợp trong hoạt động bảo vệ môi trường; cần phối hợp chặt chẽ giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng để thống nhất chương

trình hành động, nhằm giải quyết các vấn đề bảo vệ môi trường liên vùng như bảo vệ môi trường nước sông Đồng Nai và khắc phục ô nhiễm nguồn nước sông Đồng Nai, vấn đề xử lý chất thải rắn công nghiệp nguy hại....

Thứ ba, phòng ngừa những tác động xấu đối với môi trường

Phương châm bảo vệ môi trường phải lấy việc phòng ngừa và hạn chế những tác động xấu đối với môi trường là chủ yếu. Vì vậy, đề nghị các cơ quan có thẩm quyền nên xem xét chặt chẽ sự bảo đảm yêu cầu về môi trường đối với các quy hoạch, dự án đầu tư ngay từ khâu phê duyệt, cấp phép; hạn chế phê duyệt và tiến tới cấm hoàn toàn những dự án có tác động lớn hoặc tiềm ẩn nguy cơ cao đối với môi trường; đồng thời, kiên quyết không cho phép đưa vào vận hành, sử dụng các cơ sở sản xuất không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Các cơ quan quản lý cần đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, nắm chắc các nguồn gây ô nhiễm, nhất là tại các khu vực trọng điểm; xây dựng các trung tâm quan trắc kỹ thuật môi trường để theo dõi, phân tích, đánh giá và dự báo diễn biến các thành phần môi trường; kịp thời đề xuất những biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các nguồn gây ô nhiễm, có khả năng ứng cứu xử lý các sự cố về môi trường; khuyến khích ứng dụng và phát triển các công nghệ sản xuất sạch, thân thiện với môi trường, nghiên cứu ứng dụng các giải pháp công nghệ trong xử lý ô nhiễm, nhất là các khu công nghiệp, đô thị.

Thứ tư, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường và áp dụng các biện pháp kinh tế trong bảo vệ môi trường.

Nội dung xã hội hóa công tác bảo vệ môi

trường là huy động được sự tham gia, đóng góp của toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động về môi trường, nhất là các cơ sở sản xuất kinh doanh; khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia các dịch vụ về bảo vệ môi trường, đặc biệt là thu gom, tái chế và xử lý chất thải; cần đề cao vai trò của các tổ chức xã hội trong việc phát triển phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, phân loại rác thải tại nguồn, thực hiện các mô hình tự quản về bảo vệ môi trường ở từng cộng đồng dân cư, đồng thời bám sát chặt chẽ công tác bảo vệ môi trường ở từng cơ sở.

Bên cạnh các biện pháp hành chính, tuyên truyền giáo dục về bảo vệ môi trường cần áp dụng các biện pháp về kinh tế. Thực hiện nguyên tắc “người gây thiệt hại đối với môi trường phải khắc phục, bồi thường”, trong đó thực hiện đầy đủ các quy định của Trung ương về thu phí bảo vệ môi trường đối với chất thải, ký quỹ phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, buộc bồi thường thiệt hại đối với những hành vi làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, ...

Thứ năm, tạo sự chuyển biến trong đầu tư bảo vệ môi trường

Cần thực hiện đúng nội dung Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Khắc phục tư tưởng chỉ chú trọng phát triển kinh tế - xã hội mà coi nhẹ việc bảo vệ môi trường. Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững”. Trong giai đoạn tới, cần xem xét để tăng chi ngân sách Nhà nước cho sự nghiệp bảo vệ môi trường “đặt mức chi không dưới 1% tổng chi ngân sách và tăng dần tỉ lệ này theo

tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế”⁴. Bên cạnh đó, cần có biện pháp tích cực để khai thác các nguồn đầu tư từ xã hội, vận động và tiếp nhận sự hỗ trợ tài chính từ các tổ chức Quốc tế cho công tác bảo vệ môi trường. Nguồn vốn đầu tư cho công tác này cần được quản lý, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm, nhằm ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng về môi trường, đẩy mạnh hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực quan trắc, giám sát và đẩy mạnh công tác truyền thông về bảo vệ môi trường.

4. Kết luận, kiến nghị

Tóm lại, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam ra đời phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Vùng đã trở thành một cực tăng trưởng kinh tế nhanh và mạnh, có tác động lôi kéo các vùng khác của cả nước cùng phát triển, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của Việt Nam với Quốc tế.

Tuy nhiên sự phát triển mạnh mẽ của các ngành sản xuất công nghiệp cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường. Do đó, bảo vệ môi trường là nhiệm vụ cấp bách hiện nay, đòi hỏi các tỉnh trong vùng cần có chương trình hành động thật chi tiết, cụ thể nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, tích cực trong công tác bảo vệ môi trường. Chính vì tính phức tạp và cấp bách của công tác này nên rất cần sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, sự quản lý chặt chẽ của các cơ quan Nhà nước, tất cả vì mục đích xây dựng Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trở thành một vùng kinh tế phát triển bền vững, có sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường.

⁴ Nguồn: Các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, trang điện tử Bộ Tài nguyên và môi trường, năm 2016.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng quan về các vùng kinh tế trọng điểm, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, năm 2015.
2. Điều tra, khảo sát của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai, năm 2015.
3. Các vấn đề môi trường vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm TP.HCM, năm 2015.
4. Các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, Trang điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường, năm 2016.
5. Quyết định số 941/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập tổ chức phối hợp phát triển các vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) giai đoạn 2015 - 2020.
6. Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.